Biểu số 01

DỰ KIẾN NGUỒN THU PHỤC VỤ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 185 /TTr-UBND ngày 24 / 7 /2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi)

STT	Nội dung nguồn thu	Dự kiến thu trong năm 2024		Ghi chú
		Dự toán thu trên địa bàn	Dự toán phục vụ chi đầu tư + nhiệm vụ khác	
A	**DỰ KIẾN NGUỒN THU PHỤC VỤ CHI ĐẦU TƯ**	**640,000**	**540,000**	
A.1	**Nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn**	**510,000**	**410,000**	
I	**Nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất**	**70,000**	**70,000**	
II	**Nguồn thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất**	**90,000**	**90,000**	
1	Khu dân cư Nghĩa Phú (Giai đoạn 1)	60,000	60,000	
2	Khu dân cư Nghĩa Phú (Giai đoạn 2)	17,000	17,000	
3	Quỹ đất thuộc KDC Đông - Tây đường Phan Đình Phùng (Chánh Lộ)	3,000	3,000	
4	Quỹ đất thuộc xã Tịnh Long	4,000	4,000	
5	KDC và TĐC Cầu Thạch Bích	2,000	2,000	
6	Khu dân cư lõm phường Nghĩa Chánh - 05 lô	4,000	4,000	
III	**Nguồn thu tiền sử dụng đất các nhà đầu tư trên địa bàn (hưởng điều tiết 50%)**	**200,000**	**100,000**	
IV	**Nguồn kết dư ngân sách thành phố**	**150,000**	**150,000**	
A.2	**Nguồn phân cấp của UBND tỉnh**	**70,000**	**70,000**	
A.3	**Nguồn thu từ đấu giá các trụ sở thuộc quyền sở hữu Nhà nước không có nhu cầu sử dụng**	**60,000**	**60,000**	
B	**DỰ KIẾN PHÂN BỔ ĐẦU TƯ CÔNG**	**Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2024**		
	TỔNG CỘNG	**540,000**		
B.1	**Phân bổ Nguồn vốn phân phân cấp của UBND tỉnh**	**70,000**		
1	Phân bổ dự án chuyển tiếp + KCM	40,000		
2	Đối ứng thực hiện: Chương trình MTQG về xây dựng Nông thôn mới; Đề án Hỗ trợ xi măng giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh	15,000		
3	Phân bổ trả nợ quyết toán dự án hoàn thành	15,000		

STT	Nội dung nguồn thu	Dự kiến thu trong năm 2024		Ghi chú
		Dự toán thu trên địa bàn	Dự toán phục vụ chi đầu tư + nhiệm vụ khác	
B.2	**Phân bổ Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**	**410,000**		
1	Phân bổ chuẩn bị đầu tư	5,000		
2	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ quy hoạch	7,000		
3	Phân bổ dự án chuyển tiếp	189,500		
4	Phân bổ dự án khởi công mới	203,500		
5	Phân bổ thực hiện nhiệm vụ đầu tư công khác (Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai…)	5,000		
B.3	**Nguồn từ đấu giá các trụ sở thuộc quyền sở hữu Nhà nước không có nhu cầu sử dụng**	**60,000**		

Biểu số 02

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
THEO NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 185 /TTr-UBND ngày 24 / 7 /2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư					Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn 2024				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:					Tổng cộng	Trong đó:			
				NS TW/ TPCP	NS Tỉnh	NS TP	NS xã, phường + huy động			Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền đất	Nguồn thu từ bán tài sản công	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	TỔNG CỘNG	**89**	**2,864,276**	**0**	**0**	**2,864,276**	**0**	**480,856**	**540,000**	**70,000**	**410,000**	**60,000**	
A	**PHÂN BỔ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2024**								**5,000**	**0**	**5,000**	**0**	*Mục B.1 - Biểu số 03*
B	**PHÂN BỔ VỐN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**7,000**	**0**	**7,000**		*Mục B.2 - Biểu số 03*
C	**PHÂN BỔ VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**	**89**	**2,864,276**	**0**	**0**	**2,864,276**	**0**	**480,856**	**523,000**	**70,000**	**393,000**	**60,000**	
I	**Nguồn vốn phân cấp**	**2**	**119,886**	**0**	**0**	**119,886**	**0**	**36,273**	**70,000**	**70,000**	**0**	**0**	
1	Phân bổ dự án chuyển tiếp trong năm 2024	2	119,886	-	-	119,886	-	36,273	40,000	40,000	-	-	*Mục A.1 - Biểu số 03*
2	Đối ứng thực hiện: Chương trình MTQG về xây dựng Nông thôn mới; Đề án Hỗ trợ xi măng giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh		-	-	-	-	-	-	15,000	15,000	-	-	*Mục A.2 - Biểu số 03*
3	Phân bổ trả nợ quyết toán dự án hoàn thành		-	-	-	-	-	-	15,000	15,000	-	-	*Mục A.3 - Biểu số 03*
II	**Nguồn vốn từ khai thác quỹ đất trong năm 2024**	**86**	**2,744,390**	**0**	**0**	**2,744,390**	**0**	**444,583**	**393,000**	**0**	**393,000**	**0**	
1	Phân bổ dự án chuyển tiếp trong năm 2024	19	1,330,831	0	0	1,330,831	0	441,183	189,500		189,500		*Mục B.3 - Biểu số 03*
2	Dự kiến đề xuất phân bổ dự án khởi công mới năm 2024	67	1,413,559	0	0	1,413,559	0	3,400	203,500	0	203,500	0	*Mục B.4 - Biểu số 03*
2.1	*Đã có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Dự kiến hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong năm 2023*	*50*	*1,043,438*	-	-	*1,043,438*	-	*3,400*	*163,500*	-	*163,500*	-	*Mục B.4.1 - Biểu số 03*
2.2	*Nhóm dự án chưa được bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025*	*17*	*370,121*			*370,121*		-	*40,000*		*40,000*		*Mục B.4.2 - Biểu số 03*
III	**Nguồn từ đấu giá các trụ sở thuộc quyền sở hữu Nhà nước không có nhu cầu sử dụng**	**1**							**60,000**			**60,000**	*Mục C - Biểu số 03*
D	**PHÂN BỔ VỐN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ CÔNG KHÁC (Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai…)**								**5,000**	**0**	**5,000**	**0**	*Mục B.5 - Biểu số 03*

Biểu số 03

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Thông tri số 185 /TTr-UBND ngày 24 / 7 /2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án						KH đầu tư trung hạn năm 2021-2025 đã giao	Ước Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023	Dự kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó:						Tổng cộng	Trong đó			
						NS TW / TPCP	NS tỉnh	NS TP	NS xã, phường + huy động				Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền đất	Nguồn thu từ bán tài sản công	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	TỔNG CỘNG				**3,644,276**	**0**	**0**	**3,644,276**	**0**	**2,140,718**	**483,856**	**540,000**	**70,000**	**410,000**	**60,000**	
A	**NGUỒN VỐN PHÂN CẤP**				**119,886**	**0**	**0**	**119,886**	**0**	**111,900**	**36,273**	**70,000**	**70,000**	**0**	**0**	
A.1	**Phân bổ dự án chuyển tiếp trong năm 2024**				**119,886**	**0**	**0**	**119,886**	**0**	**111,900**	**36,273**	**40,000**	**40,000**	**0**	**0**	
1	Xây dựng Trường TH & THCS Nghĩa Phú	2022-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	698/QĐ-UBND 04/3/2022	49,500			49,500		45,000	26,273	10,000	10,000			
2	Khu dân cư phía Nam đường Trần Văn Trà	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	3365/QĐ-UBND 21/7/2023	70,386			70,386		66,900	10,000	30,000	30,000			
A.2	**Đối ứng thực hiện: Chương trình MTQG về xây dựng Nông thôn mới; Đề án Hỗ trợ xi măng giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh**											**15,000**	**15,000**	**0**	**0**	
A.3	**Phân bổ trả nợ quyết toán dự án hoàn thành**											**15,000**	**15,000**	**0**	**0**	
B	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**				**2,744,390**	**0**	**0**	**2,744,390**	**0**	**1,623,818**	**444,583**	**410,000**	**0**	**410,000**	**0**	
B.1	**Phân bổ chuẩn bị đầu tư trong năm 2024**											**5,000**	**0**	**5,000**		
B.2	**Phân bổ thực hiện nhiệm vụ quy hoạch trong năm 2024**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**7,000**		**7,000**		
B.3	**Phân bổ dự án chuyển tiếp trong năm 2024**				**1,330,831**	**0**	**0**	**1,330,831**	**0**	**915,658**	**441,183**	**189,500**	**0**	**189,500**	**0**	
I	**Lĩnh vực giao thông**				**530,207**	**0**	**0**	**530,207**	**0**	**362,051**	**201,298**	**84,500**	**0**	**84,500**	**0**	
1	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ KĐT An Phú Sinh đến đường Trần Thủ Độ và đoạn từ Chợ Nông Sản đến đường Trần Khánh Dư)	2022-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	1539/QĐ-UBND 18/4/2022	70,000			70,000		60,900	12,500	12,000		12,000		
2	Tuyến đường nối từ đường Trần Anh Tông đến KDC 623C Nghĩa Dũng	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	5952/QĐ-UBND 10/11/2022	45,000			45,000		39,600	15,200	10,000		10,000		
3	Nâng cấp, chỉnh trang các trục đường chính trên địa bàn thành phố	2022-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7526/QĐ-UBND 12/12/2022	100,000			100,000		88,000	42,050	30,000		30,000		
4	Nâng cấp, chỉnh trang trục đường Phạm Văn Đồng và Quảng trường thành phố	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	4239/QĐ-UBND 10/7/2019	147,000			147,000		79,200	50,000	25,000		25,000		
5	Đường Trần Quý Hai (đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến đường Hùng Vương)	2016-2022	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7324/QĐ-UBND 26/10/2016	20,674			20,674		6,500	12,127	500		500		
6	Đường Trương Quang Cận thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến đường Lương Thế Vinh)	2020-2021	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	3187/QĐ-UBND 07/08/2014	12,463			12,463		5,700	10,522	1,500		1,500		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án						KH đầu tư trung hạn năm 2021-2025 đã giao	Ước Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023	Dự kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó:						Tổng cộng	Trong đó			
						NS TW / TPCP	NS tỉnh	NS TP	NS xã, phường + huy động				Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền đất	Nguồn thu từ bán tài sản công	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
7	Đường Nguyễn Tự Tân (đoạn từ đường Trương Định đến đường Trần Thái Tông	2016-2022	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	1589/QĐ-UBND 31/8/2016	14,029			14,029		3,270	5,987	2,000		2,000		
8	Đường Lê Thánh Tôn, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Ngã tư Ba La)	2013-2022	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	1566/QĐ-UBND 30/10/2013	121,041			121,041		78,881	52,912	3,500		3,500		
II	**Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi**				**3,917**	**0**	**0**	**3,917**	**0**	**3,917**	**1,750**	**1,500**	**0**	**1,500**	**0**	
9	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi trên địa bàn xã Tịnh Khê	2022-2023	UBND xã Tịnh Khê	7369/QĐ-UBND 05/12/2022	3,917			3,917		3,917	1,750	1,500		1,500		
III	**Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo**				**372,118**	**0**	**0**	**372,118**	**0**	**281,800**	**37,672**	**60,000**	**0**	**60,000**	**0**	
10	Đầu tư, nâng cấp các Trường THCS trên địa bàn thành phố	2022-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7604/QĐ-UBND 13/12/2022	231,746			231,746		108,200	20,550	25,000		25,000		
11	Đầu tư, nâng cấp các Trường TH trên địa bàn thành phố	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	1958/QĐ-UBND 28/4/2023	140,372			140,372		173,600	17,122	35,000		35,000		
VI	**Lĩnh vực bảo đảm xã hội**				**424,589**	**0**	**0**	**424,589**	**0**	**267,890**	**200,463**	**43,500**	**0**	**43,500**	**0**	
*	**An ninh - Quốc phòng**				**10,000**	**0**	**0**	**10,000**	**0**	**9,500**	**5,050**	**4,000**	**0**	**4,000**	**0**	
12	Xây dựng nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự các xã phường trên địa bàn thành phố	2023-2025	BCH quân sự thành phố	3142/QĐ-UBND 06/7/2023	10,000			10,000		9,500	5,050	4,000		4,000		
*	**Công trình công cộng**				**123,900**	**0**	**0**	**123,900**	**0**	**119,900**	**70,350**	**20,500**	**0**	**20,500**	**0**	
13	Đầu tư các hạng mục phục vụ quản lý, khai thác Chợ Đầu mối Nông sản, Chợ Tươi sống và Chợ Quảng Ngãi	2022-2024	BQL chợ	7246/QĐ-UBND 30/11/2022	14,900			14,900		14,900	8,100	5,000		5,000		
14	Đầu tư, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường và thôn hẻm phố trên địa bàn thành phố	2023-2026	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	13/NQ-HĐND 22/6/2023	80,000			80,000		76,000	50,150	15,000		15,000		
15	Đầu tư các vườn hoa, cây xanh trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi	2022-2024	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7359/QĐ-UBND 05/12/2022	29,000			29,000		29,000	12,100	500		500		
*	**Phát triển quỹ đất**				**290,689**	**0**	**0**	**290,689**	**0**	**138,490**	**125,063**	**19,000**	**0**	**19,000**	**0**	
16	Khu dân cư thôn Tân An, Nghĩa An	2023-2024	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7375/QĐ-UBND 05/12/2022	8,000			8,000		8,000	4,100	2,500		2,500		
17	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	2023-2026	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	3146/QĐ-UBND 06/7/2023	132,523			132,523		116,400	200	15,000		15,000		
18	Khu dân cư đường Trần Khánh Dư phục vụ tái định cư dự án Khu đô thị bờ Nam sông Trà Khúc	2013 - 2023	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	3521/QĐ-UBND 24/9/2013	44,397			44,397		9,970	29,750	500		500		
19	Khu dịch vụ và dân cư phía Bắc Gò Đá, phường Lê Hồng Phong	2010 - 2023	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7026/QĐ-UBND 31/12/2010	105,769			105,769		4,120	91,013	1,000		1,000		
B.4	**Dự kiến đề xuất phân bổ dự án khởi công mới năm 2024**				**1,413,559**	**0**	**0**	**1,413,559**	**0**	**708,160**	**3,400**	**203,500**	**0**	**203,500**	**0**	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án						KH đầu tư trung hạn năm 2021-2025 đã giao	Ước Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023	Dự kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó:						Tổng cộng	Trong đó			
						NS TW / TPCP	NS tỉnh	NS TP	NS xã, phường + huy động				Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền đất	Nguồn thu từ bán tài sản công	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
B.4.1	**Đã có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Dự kiến hoàn thành thủ tục phê duyệt dự án trong năm 2023**				**1,043,438**	**0**	**0**	**1,043,438**	**0**	**708,160**	**3,400**	**163,500**	**0**	**163,500**	**0**	
I	**Lĩnh vực giao thông + thoát nước**				**319,800**	**0**	**0**	**319,800**	**0**	**198,400**	**550**	**47,300**	**0**	**47,300**	**0**	
1	BTXM các tuyến đường giao thông nông thôn và hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Tịnh Thiện	2022-2024	UBND xã Tịnh Thiện	1340/QĐ-UBND 28/3/2023	2,800			2,800		2,700	50	2,300		2,300		
2	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	07/NQ-HĐND 24/6/2023	68,000			68,000		64,600	150	15,000		15,000		
3	Xử lý thoát nước đường Quang Trung (đoạn từ đường Nguyễn Nghiêm đến hồ Điều hòa Bàu Cà) và thoát nước đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ chợ Hàng Rượu đến mương Bàu Sắt)	2023-2026	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	22/NQ-HĐND 25/11/2022	89,000			89,000		81,100	150	20,000		20,000		
4	Đường bờ Tây sông Kinh Giang, xã Tịnh Khê	2023-2026	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	31/NQ-HĐND 22/12/2022	160,000			160,000		50,000	200	10,000		10,000		
II	**Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi**				**5,444**	**0**	**0**	**5,444**	**0**	**5,200**	**150**	**4,200**	**0**	**4,200**	**0**	
5	Kiên cố hóa kênh N6-18, xã Nghĩa Dũng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dũng	10076/QĐ-UBND 17/12/2021	3,881			3,881		3,700	50	3,000		3,000		
6	Kiên cố hóa kênh xứ đồng Gò Mao TDP Quyết Thắng	2023-2025	UBND phường Trương Quang Trọng	9838/QĐ-UBND 14/12/2021	900			900		900	50	700		700		
7	Kiên cố hóa tuyến kênh B8-12 đi Trương Hói (Ngõ Trực) xã Tịnh Long	2023-2025	UBND xã Tịnh Long	10082/QĐ-UBND 17/12/2021	663			663		600	50	500		500		
III	**Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao**				**49,020**	**0**	**0**	**49,020**	**0**	**46,960**	**1,400**	**30,500**	**0**	**30,500**	**0**	
8	Sửa chữa, cải tạo các Điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Quảng Phú	2023-2025	UBND phường Quảng Phú	10014/QĐ-UBND 16/12/2021	1,500			1,500		1,400	50	1,200		1,200		
9	Nâng cấp nhà văn hóa thôn của xã Nghĩa Dũng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dũng	10013/QĐ-UBND 16/12/2021	800			800		800	50	700		700		
10	Nâng cấp, sửa chữa các Điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Nghĩa Chánh	2023-2025	UBND phường Nghĩa Chánh	10048/QĐ-UBND 17/12/2021	1,600			1,600		1,500	50	1,200		1,200		
11	Nâng cấp, sửa chữa di tích lịch sử Nhà lưu niệm Trương Quang Giao, xã Tịnh Khê	2023-2025	UBND xã Tịnh Khê	9998/QĐ-UBND 16/12/2021	400			400		400	30	300		300		
12	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã Tịnh Khê	2023-2025	UBND xã Tịnh Khê	10016/QĐ-UBND 16/12/2021	1,000			1,000		1,000	50	850		850		
13	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa và Sân vận động xã Tịnh Khê	2023-2025	UBND xã Tịnh Khê	10017/QĐ-UBND 16/12/2021	500			500		500	30	400		400		
14	Sửa chữa, cải tạo Đền Văn Thánh	2023-2025	UBND phường Trương Quang Trọng	9830/QĐ-UBND 14/12/2021	300			300		300	30	300		300		
15	Xây mới điểm sinh hoạt văn hóa TDP Trường Thọ Tây A	2023-2025	UBND phường Trương Quang Trọng	9828/QĐ-UBND 14/12/2021	700			700		700	50	600		600		
16	Sửa chữa, cải tạo điểm sinh hoạt 01 tổ dân phố (Trường Thọ Đông A)	2023-2025	UBND phường Trương Quang Trọng	9829/QĐ-UBND 14/12/2021	250			250		200	20	200		200		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án						KH đầu tư trung hạn năm 2021-2025 đã giao	Ước Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023	Dư kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó:						Tổng cộng	Trong đó			
						NS TW / TPCP	NS tỉnh	NS TP	NS xã, phường + huy động				Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền đất	Nguồn thu từ bán tài sản công	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
17	Nâng cấp, sửa chữa các điểm sinh hoạt, nhà văn hóa thôn, xã Tịnh Thiện	2023-2025	UBND xã Tịnh Thiện	10019/QĐ-UBND 16/12/2021	1,000			1,000		1,000	50	850		850		
18	Nâng cấp, sửa chữa các Nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã Nghĩa Phú	2023-2025	UBND xã Nghĩa Phú	10050/QĐ-UBND 17/12/2021	600			600		600	30	500		500		
19	Sửa chữa, cải tạo điểm sinh hoạt văn hóa thôn của xã Nghĩa Dõng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dõng	10009/QĐ-UBND 16/12/2021	500			500		500	50	400		400		
20	Xây mới nhà văn hóa thôn 1, xã Nghĩa Dõng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dõng	10011/QĐ-UBND 16/12/2021	700			700		700	50	600		600		
21	Xây mới nhà văn hóa thôn 4, xã Nghĩa Dõng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dõng	10012/QĐ-UBND 16/12/2021	700			700		700	50	600		600		
22	Xây dựng nhà bia, bảng chỉ dẫn…02 di tích Địa Đạo An Vĩnh và di tích thắng cảnh Thạch Ky Điếu Tẩu	2023-2025	UBND xã Tịnh Kỳ	10002/QĐ-UBND 16/12/2021	400			400		400	30	300		300		
23	Nâng cấp, sửa chữa các điểm sinh hoạt văn hóa, nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã Tịnh Kỳ	2023-2025	UBND xã Tịnh Kỳ	10001/QĐ-UBND 16/12/2021	480			480		460	30	400		400		
24	Xây dựng mới nhà văn hóa tổ 10	2023-2025	UBND phường Trần Phú	10044/QĐ-UBND 17/12/2021	700			700		700	50	600		600		
25	Nâng cấp, sửa chữa các Điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Trần Phú	2023-2025	UBND phường Trần Phú	10015/QĐ-UBND 16/12/2021	1,500			1,500		1,400	50	1,200		1,200		
26	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã Nghĩa Hà	2023-2025	UBND xã Nghĩa Hà	10052/QĐ-UBND 17/12/2021	2,350			2,350		2,200	50	1,800		1,800		
27	Sửa chữa, cải tạo các nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã Nghĩa An	2023-2025	UBND xã Nghĩa An	10054/QĐ-UBND 17/12/2021	1,500			1,500		1,400	50	1,200		1,200		
28	Nâng cấp Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Nghĩa An	2023-2025	UBND xã Nghĩa An	10053/QĐ-UBND 17/12/2021	2,000			2,000		1,900	50	1,500		1,500		
29	Sửa chữa, nâng cấp các nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã Tịnh Ấn Tây	2023-2025	UBND xã Tịnh Ấn Tây	10186/QĐ-UBND 20/12/2021	800			800		800	50	700		700		
30	Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Bia di tích Gò Nhện, xã Tịnh An	2023-2025	UBND xã Tịnh An	9811/QĐ-UBND 13/12/2021	100			100		100	10	100		100		
31	Sửa chữa, nâng cấp các Nhà sinh hoạt văn hóa thôn trên địa bàn xã Tịnh An	2023-2025	UBND xã Tịnh An	9860/QĐ-UBND 15/12/2021	800			800		800	50	700		700		
32	Cải tạo, sửa chữa các điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Lê Hồng Phong	2023-2025	UBND phường Lê Hồng Phong	10008/QĐ-UBND 16/12/2021	1,400			1,400		1,300	50	1,000		1,000		
33	Nâng cấp, sửa chữa di tích lịch sử Nhà thờ Phạm Viết My, xã Tịnh Long	2023-2025	UBND xã Tịnh Long	10020/QĐ-UBND 16/12/2021	400			400		400	30	300		300		
34	Đầu tư trung tâm Văn hóa - Thể thao xã phường trên địa bàn thành phố	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	1743/QĐ-UBND 20/4/2023	19,740			19,740		18,800	50	7,000		7,000		
35	Sửa chữa, cải tạo Bảng bia di tích Thành cổ Châu Sa	2023-2025	UBND xã Tịnh Châu	10005/QĐ-UBND 16/12/2021	400			400		400	30	300		300		
36	Nâng cấp, sửa chữa các Điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Nghĩa Lộ	2023-2025	UBND phường Nghĩa Lộ	10045/QĐ-UBND 17/12/2021	1,600			1,600		1,500	50	1,300		1,300		
37	Sửa chữa, nâng cấp các Điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Trần Hưng Đạo	2023-2025	UBND phường Trần Hưng Đạo	10187/QĐ-UBND 20/12/2021	1,200			1,200		1,100	50	900		900		
38	Nâng cấp, sửa chữa các Điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Nguyễn Nghiêm	2023-2025	UBND phường Nguyễn Nghiêm	10046/QĐ-UBND 17/12/2021	1,000			1,000		1,000	50	900		900		
39	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã Tịnh Long	2023-2025	UBND xã Tịnh Long	9827/QĐ-UBND 14/12/2021	500			500		500	30	400		400		
40	Nâng cấp, sửa chữa các Điểm sinh hoạt văn hóa trên địa bàn phường Chánh Lộ	2023-2025	UBND phường Chánh Lộ	10049/QĐ-UBND 17/12/2021	1,600			1,600		1,500	50	1,200		1,200		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án						KH đầu tư trung hạn năm 2021-2025 đã giao	Ước Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023	Dự kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó:						Tổng cộng	Trong đó			
						NS TW / TPCP	NS tỉnh	NS TP	NS xã, phường + huy động				Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền đất	Nguồn thu từ bán tài sản công	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
IV	**Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể**				**50,150**	**0**	**0**	**50,150**	**0**	**47,600**	**200**	**26,700**	**0**	**26,700**	**0**	
41	Xây dựng Trụ sở làm việc UBND xã Tịnh Long	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7615/QĐ-UBND 08/11/2021	18,000			18,000		17,100	50	9,000		9,000		
42	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Phú	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	10092/QĐ-UBND 17/12/2021	18,000			18,000		17,100	50	9,000		9,000		
43	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng Trụ sở làm việc UBND xã Tịnh Khê	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7614/QĐ-UBND 08/11/2021	12,000			12,000		11,400	50	7,000		7,000		
44	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở làm việc UBND phường Trần Hưng Đạo	2023-2025	UBND phường Trần Hưng Đạo	9731/QĐ-UBND 09/12/2021	2,150			2,150		2,000	50	1,700		1,700		
V	**Lĩnh vực bảo đảm xã hội**				**619,024**	**0**	**0**	**619,024**	**0**	**410,000**	**1,100**	**54,800**	**0**	**54,800**	**0**	
*	**An ninh - Quốc phòng**				**30,000**	**0**	**0**	**30,000**	**0**	**28,500**	**100**	**12,000**	**0**	**12,000**	**0**	
45	Lắp đặt hệ thống camera giám sát công cộng trên địa bàn thành phố	2023-2025	Công an thành phố	21/NQ-HĐND 25/11/2022	30,000			30,000		28,500	100	12,000		12,000		
*	**Công trình công cộng**				**160,000**	**0**	**0**	**160,000**	**0**	**70,000**	**250**	**10,000**	**0**	**10,000**	**0**	
46	Nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi	2022-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	181/NQ-HĐND 05/11/2021	160,000			160,000		70,000	250	10,000		10,000		
*	**Phát triển quỹ đất**				**429,024**	**0**	**0**	**429,024**	**0**	**311,500**	**750**	**32,800**	**0**	**32,800**	**0**	
47	Khu dân cư phục vụ tái định cư trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi	2022-2024	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	1731/QĐ-UBND 19/4/2023	12,740			12,740		11,500	50	6,000		6,000		
48	Khu đô thị - Dịch vụ Mỹ Khê (Hạng mục đầu tư: GPMB, XD mới đường ven biển, XD mới đường nội bộ, vỉa hè, cây xanh, thoát nước mưa và san gạt thu dọn mặt bằng)	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	10/NQQ-HĐND 22/6/2023	32,284			32,284		31,400	100	6,800		6,800		
49	Khu đô thị mới tại xã Tịnh Ấn Tây và phường Trương Quang Trọng - 20ha	2023-2026	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	207/NQ-HĐND 14/12/2021	240,000			240,000		172,800	400	10,000		10,000		
50	Khu dân cư Trung tâm xã Tịnh Ấn Tây (phía Tây đường dẫn Cầu Thạch Bích - nối Tịnh Phong) - 12ha	2023-2026	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	208/NQ-HĐND 14/12/2021	144,000			144,000		95,800	200	10,000		10,000		
B.4.2	**Nhóm dự án chưa được bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**				**370,121**	**0**	**0**	**370,121**	**0**	**0**	**0**	**40,000**	**0**	**40,000**	**0**	
51	Hoàn chỉnh các hạng mục doanh trại BCH quân sự thành phố	2023-2025	BCH quân sự thành phố	2990/QĐ-UBND 17/6/2023	7,100			7,100								
52	Xây dựng Trường liên cấp TH & THCS Chu Văn An thành phố Quảng Ngãi	2023-2026	BQLDA ĐTXD&PTQĐ		140,000			140,000								
53	Chỉnh trang đô thị 02 điểm dân cư tại phường Nghĩa Lộ và xã Tịnh Ấn Tây		BQLDA ĐTXD&PTQĐ		2,800			2,800								
54	Đầu tư hạ tầng tại khu đất quy hoạch XD Chợ Thu Lộ, phường Trần Phú	2023-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	2599/QĐ-UBND 13/6/2023	12,100			12,100								
55	Khu dân cư dọc đường Nguyễn Tri Phương nối dài (Bắc sông Bàu Giang)	2023-2026	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	14/NQ-HĐND 22/6/2023	164,000			164,000								
56	Nâng cấp mở rộng mặt cắt đường và đầu tư hệ thống thoát nước tuyến đường Cổng chào Tân Mỹ - ngõ Trần Niên, xã Tịnh An	2023-2025	UBND xã Tịnh An	3218/QĐ-UBND 11/7/2023	4,680			4,680								
57	Nâng cấp mở rộng tuyến đường và hệ thống thoát nước từ Quốc lộ 24 B đến nhà văn hóa rẽ cổng chào thôn Mỹ Lại, xã Tịnh Khê	2023-2025	UBND xã Tịnh Khê	3212/QĐ-UBND 11/7/2023	7,975			7,975								

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án						KH đầu tư trung hạn năm 2021-2025 đã giao	Ước Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023	Dư kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024				Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó:						Tổng cộng	Trong đó			
						NS TW / TPCP	NS tỉnh	NS TP	NS xã, phường + huy động				Nguồn phân cấp	Nguồn thu tiền đất	Nguồn thu từ bán tài sản công	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
58	Làm mới hệ thống thoát nước từ QL24B đến nhà ông Nguyễn Xanh, Khê Thanh, xã Tịnh Khê	2023-2025	UBND xã Tịnh Khê	3211/QĐ-UBND 11/7/2023	1,216			1,216								Đầu tư hạ tầng 7 xã thành phường
59	Nâng cấp mở rộng đường BTXM và hệ thống thoát nước tuyến đường liên thôn Cổ Lũy từ nhà ông Vỹ đến nhà văn hóa thôn Cổ Lũy rẽ sông kinh Giang, xã Tịnh Khê	2023-2025	UBND xã Tịnh Khê	3214/QĐ-UBND 11/7/2023	3,770			3,770								
60	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước tuyến Võ Nguyên Giáp - Khu dân cư Điền Viên, xã Tịnh Ấn Tây	2023-2025	UBND xã Tịnh Ấn Tây	3217/QĐ-UBND 11/7/2023	1,348			1,348								
61	Thoát nước, chống ngập nút giao thông đường vào Trung tâm xã (đấu nối đường Hoàng Sa), xã Tịnh Long	2023-2025	UBND xã Tịnh Long	3222/QĐ-UBND 11/7/2023	9,000			9,000								
62	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước tuyến đường Đội 6, Thôn 4, xã Nghĩa Dõng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dõng	3213/QĐ-UBND 11/7/2023	3,182			3,182								
63	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước từ ông Bùi Văn Trà đến trường Tiểu học, xã Nghĩa Dõng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dõng	3215/QĐ-UBND 11/7/2023	1,170			1,170								
64	Đầu tư hệ thống thoát nước tuyến từ Bùi Nghiệm đến Lê Chút kết nối mương thạch nham, xã Nghĩa Dõng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dõng	3221/QĐ-UBND 11/7/2023	2,080			2,080								
65	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước từ nhà ông Lê Văn Thuận đến Ninh Thị Vĩnh kết nối mương đến đường Trần Anh Tông, xã Nghĩa Dõng	2023-2025	UBND xã Nghĩa Dõng	3216/QĐ-UBND 11/7/2023	1,200			1,200								
66	Nâng cấp sửa chữa sân vận động xã Tịnh An	2023-2025	UBND xã Tịnh An	3219/QĐ-UBND 11/7/2023	2,500			2,500								
67	Xây dựng khu luyện tập TDTT phía nam chùa Từ Lâm	2023-2025	UBND xã Nghĩa Phú	3220/QĐ-UBND 11/7/2023	6,000			6,000								
B.5	**Phân bổ thực hiện nhiệm vụ đầu tư công khác (Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai…)**											**5,000**	**0**	**5,000**		
C	**NGUỒN THU TỪ BÁN TÀI SẢN CÔNG**				**780,000**	**0**	**0**	**780,000**	**0**	**405,000**	**3,000**	**60,000**	**0**	**0**	**60,000**	
1	Khu hành chính tập trung thành phố Quảng Ngãi	2022-2025	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	02/NQ-HĐND 07/4/2023	780,000			780,000		405,000	3,000	60,000			60,000	